

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2014.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2010 Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Tây Ninh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 01/TTr-STTTT ngày 14 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2014.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Sở Thông tin và Truyền thông triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP; CVVX;
- Lưu VP.UBND tỉnh.

(1/Trang 13...)

5926

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Lưu Quang

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2014**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 474../QĐ-UBND ngày ... 03/ 03 /2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2013.

1. Môi trường pháp lý

Năm 2013, ngoài công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT năm trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh cùng văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện/thành phố triển khai kế hoạch trên đạt hiệu quả, UBND tỉnh ban hành các quy chế, quy định, văn bản chỉ đạo nhằm đẩy nhanh và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Trong năm 2013, tỉnh ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật và 08 văn bản chỉ đạo điều hành về lĩnh vực ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ cải cách hành chính.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Tăng cường công tác an ninh, an toàn thông tin, bổ sung hệ thống phần mềm quản lý sao lưu và phục hồi dữ liệu, đồng thời bổ sung 01 hệ thống thiết bị cảnh báo tấn công và ngăn chặn tấn công nhằm dần hoàn thiện hệ thống cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về bảo mật, an toàn thông tin, băng thông truyền tải dữ liệu và đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của tỉnh, thuận lợi trong việc mở rộng, nâng cấp thiết bị đảm bảo triển khai đồng bộ các ứng dụng phục vụ cải cách hành chính tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

Mở rộng tính năng nhắn tin chuyên dụng cho hệ thống một cửa điện tử, hệ thống hợp không giấy, kết nối liên thông hệ thống với thiết bị di động đảm bảo thông tin cuộc họp được thông báo đầy đủ và kịp thời. Đầu tư trang thiết bị nhằm phục vụ cải cách hành chính trong việc ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, ngoài các thiết bị các sở, ngành trang bị cùng với hạng mục triển khai phần mềm Văn phòng điện tử, trang cấp bổ sung cho 22 đơn vị với 51 bộ máy tính, 04 máy in, 06 máy quét tốc độ cao, 01 máy in di động, 01 máy chụp hình, 01 máy chiếu.

Mạng chuyên dùng của Chính phủ đã được triển khai cho 36 đơn vị, hiện đã có 33 đơn vị đưa vào hoạt động chính thức.

Mở rộng Hệ thống họp trực tuyến, đảm bảo duy trì, vận hành, đường truyền, trang thiết bị họp, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống, bảo mật trên đường truyền và

an toàn đối với các cuộc họp tại UBND tỉnh và 09 điểm cầu đặt tại 09 UBND các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh. Việc sử dụng hình thức họp trực tuyến thay cho hình thức họp tập trung trực tiếp đã tiết kiệm chi phí họp, giảm thời gian đi lại, đồng thời tận dụng và khai thác có hiệu quả hạ tầng CNTT, cung cấp hình ảnh và nội dung các cuộc họp khi cần thiết.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan

Cung cấp 4.012 hộp thư điện tử cho cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước trong tỉnh đạt 100% tại cấp tỉnh, 100% tại cấp huyện, 80% tại cấp xã. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trao đổi công việc đạt 36.30% (1.456/4.012).

Phần mềm văn phòng điện tử tiếp tục triển khai cho 13 đơn vị sử dụng⁽¹⁾, nâng tổng số lên 21 cơ quan nhà nước trong tỉnh dùng chung Hệ thống văn phòng điện tử, từng bước phát triển tích hợp, luân chuyển văn bản chỉ đạo điều hành thông qua hệ thống.

Tổ chức Hội thảo về ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước tỉnh Tây Ninh cho 82 cán bộ, công chức, viên chức của 35 đơn vị. Tiến hành rà soát nhu cầu đăng ký và cấp chứng thư số chuyên dùng cho các cơ quan (tổ chức) nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cá nhân của một số đơn vị đủ điều kiện để thực hiện chứng thực văn bản điện tử gửi/nhận giữa các cơ quan.

Triển khai mở rộng phạm vi phần mềm họp không giấy⁽²⁾ đến các sở ngành trong hoạt động tổ chức họp, cung cấp tài liệu họp; 100% sở, ban, ngành, huyện/thành phố trong tỉnh sử dụng phần mềm nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm giấy tờ, giảm tối thiểu thời gian phát hành giấy mời và tài liệu cuộc họp, góp phần quan trọng trong việc đổi mới phương thức hoạt động, lề lối làm việc theo hướng hiện đại.

Đã triển khai phần mềm ứng dụng chuyên ngành cho các cơ quan hành chính như trang bị hệ thống thông tin chuyên ngành tài chính, xây dựng kho dữ liệu thu chi ngân sách địa phương; Triển khai, vận hành Hệ thống phần mềm quản lý hộ khẩu tại Công an tỉnh, liên thông tích hợp phần mềm quản lý hộ khẩu và nhân khẩu trong quản lý nhân hộ khẩu trên địa bàn tỉnh.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Cổng thông tin điện tử của tỉnh được nâng cấp, duy trì, cập nhật tin tức thường xuyên bảo đảm phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh. Hiện nay, tỉnh có 35 cổng/trang thông tin điện tử thành phần đã đi vào hoạt động ổn định, cung cấp kịp thời thông tin, thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp; 100% dịch vụ hành chính công các đơn vị được cung cấp lên

⁽¹⁾ 13 đơn vị bao gồm: Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Trung tâm Xúc tiến – Đầu tư – Thương mại và Du lịch, BQL Vườn Quốc gia Lò Gò Xa Mát, UBND Thành phố, UBND huyện Trảng Bàng, UBND huyện Tân Châu.

⁽²⁾ Hiện nay đã triển khai 12 đơn vị: HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và ngành GD.

công/trang thông tin điện tử, đã cung cấp được 1.222 Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và 11 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

Trong năm 2013 triển khai thêm 5 dịch vụ công mức độ 3 trong lĩnh vực kinh doanh cho thành phố Tây Ninh⁽³⁾ nâng cao hệ thống tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp qua môi trường mạng, tạo tiền đề để triển khai các dịch vụ công trên môi trường mạng theo lộ trình của tỉnh và Chính phủ.

Tiếp tục triển khai phần mềm xử lý khiếu nại tố cáo cho 04 đơn vị cấp huyện⁽⁴⁾, nâng tổng số lên 08 đơn vị⁽⁵⁾ đã được triển khai, đây là hệ thống phần mềm được xây dựng theo mô hình liên thông tích hợp dữ liệu đơn thư từ cấp xã tới cấp tỉnh, hiện đã được các đơn vị khai thác phục vụ tốt cho công tác tiếp công dân.

Hệ thống một cửa điện tử (giai đoạn 1) đã triển khai chính thức tại 04 đơn vị⁽⁶⁾. Hiện nay, mô hình Một cửa điện tử được trang bị hệ thống máy tính, kiosk tra cứu bằng thiết bị mã vạch và màn hình cảm ứng, phần mềm tiếp nhận các loại hồ sơ một cửa (*hiện tại tiếp nhận khoảng trên 20 loại hồ sơ khác nhau*) tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ. Dự án “Triển khai mô hình một cửa điện tử (giai đoạn 2)” đã được UBND tỉnh phê duyệt đang trong giai đoạn triển khai thực hiện cho các huyện còn lại và một số sở, ban, ngành trong tỉnh.

Hệ thống hỏi đáp trực tuyến được triển khai chính thức vào tháng 3/2013, Thông qua kênh “Hỏi đáp trực tuyến”, cá nhân và tổ chức có thể đặt câu hỏi không cần thông qua văn bản hay đến liên hệ trực tiếp; các câu hỏi được cơ quan chức năng tỉnh kịp thời giải đáp. Thống kê từ tháng 3/2013 đến tháng 10/2013, giải đáp tổng số 145 câu hỏi tập trung chủ yếu về chế độ, chính sách; tuyển dụng, thi tuyển, xét tuyển công chức; hạ tầng giao thông; đào tạo; thủ tục pháp lý, những kiến nghị, đề xuất của các cá nhân và tổ chức trong và ngoài tỉnh.

5. Hiện trạng nguồn nhân lực CNTT

Hàng năm, tỉnh tổ chức 12 lớp⁽⁷⁾ bồi dưỡng kiến thức CNTT cho 272 cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT của cơ quan sở, ngành, huyện, thành phố nâng cao

⁽³⁾ Dịch vụ công mức độ 3 lĩnh vực kinh doanh: Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh; Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh; Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh; Tạm ngưng kinh doanh hộ kinh doanh; Ngừng kinh doanh hộ kinh doanh.

⁽⁴⁾ thành phố Tây Ninh, huyện Hoà Thành, huyện Trảng Bàng, huyện Bến Cầu.

⁽⁵⁾ Phòng Tiếp công dân VP.UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, huyện Dương Minh Châu, Thị xã Tây Ninh, huyện Hoà Thành, huyện Trảng Bàng, huyện Bến Cầu.

⁽⁶⁾ Thị xã Tây Ninh, huyện Hòa Thành, huyện Trảng Bàng, huyện Gò Dầu và thí điểm tại huyện Dương Minh Châu.

⁽⁷⁾ Lớp: Đào tạo phần mềm Sharepoint nâng cao; Thiết kế, triển khai và quản trị hệ thống mạng Windows căn bản; An ninh mạng căn bản; An ninh mạng căn bản; Tập huấn phần mềm "Hỏi đáp trực tuyến"; Kỹ năng quản trị cổng thông tin điện tử; Kỹ năng ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử cho người quản trị; Kỹ năng ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử cho văn thư; Kỹ năng ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử eoffice cho người sử dụng; Kỹ năng ứng dụng các phần mềm cải cách hành chính.

chất lượng tác nghiệp đảm bảo tham mưu cho lãnh đạo đơn vị trong việc triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh.

Thường xuyên cử cán bộ chuyên trách CNTT đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ công tác quản trị hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Tổ chức các lớp tập huấn quản trị mạng, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị.

Về lực lượng cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị, đặc biệt tại các huyện chưa được chuyên môn hóa, chưa có biên chế cụ thể, còn phải đảm nhiệm nhiều nhiệm khác nên việc nghiên cứu, tham mưu ứng dụng CNTT vào công việc chưa đạt hiệu quả cao.

6. Về sử dụng kinh phí

Năm 2013, kinh phí thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước là **11.133.149.000 đồng**, sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ năm 2013, tăng 13% so với năm 2012 (8.552.437.000 đồng). Kết quả thực hiện như sau:

- Thực hiện đến 31/12/2013: **10.771.822.136 đồng**
- Kết dư, hoàn trả ngân sách: **361.326.864 đồng (số dư do đấu thầu)**
- Tỷ lệ giải ngân: **96,75%**

II. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2014

Đảm bảo hoạt động ổn định của hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin. Tăng cường triển khai các hệ thống thông tin phục vụ cải cách hành chính và đào tạo cán bộ, công chức khai thác, sử dụng có hiệu quả từ đó tăng tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử, tài liệu số hóa, cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành lên Cổng thông tin điện tử.

Hoàn thiện triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ cải cách tại cấp tỉnh, cấp huyện, bước đầu tiến hành triển khai hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin cho cấp xã nhằm tăng cường công tác cải cách hành chính và xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường chỉ đạo thực hiện ứng dụng các hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin đã triển khai có hiệu quả. Xây dựng các chính sách, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính và xây dựng nông thôn mới.

Tập trung thực hiện các mục tiêu đề ra tại Quyết định 1605/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT giai đoạn 2013 – 2015 của UBND tỉnh; Trong đó có một số mục tiêu cơ bản như sau:

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan

Bảo đảm hoạt động ổn định của Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh phục vụ cho hoạt động của các hệ thống thông tin đã được triển khai của tỉnh.

Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho tất cả các cuộc họp của UBND tỉnh với UBND các huyện, thành phố thực hiện trên môi trường mạng.

Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước; 80% các thông tin chỉ đạo, điều hành của các đơn vị được đưa lên cổng thông tin điện tử; 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên được trao đổi dưới dạng điện tử;

Đáp ứng yêu cầu 100% thư mời họp và tài liệu cuộc họp của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố được lưu chuyển trên môi trường mạng thông qua phần mềm họp không giấy, giảm thiểu việc sử dụng văn bản, tài liệu giấy.

60% cán bộ, công chức cấp huyện trở lên sử dụng thư điện tử của tỉnh phục vụ cho công việc. Hầu hết cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh trong trao đổi và xử lý công việc.

Tỷ lệ sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đạt 100%, tại các cơ quan nhà nước cấp huyện đạt từ 85% trở lên, thực hiện trao đổi thông tin liên lạc chủ yếu qua môi trường mạng.

Sử dụng chữ ký số và chứng thực chữ ký số cho các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên xác thực văn bản điện tử và thư điện tử trong các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đảm bảo 100% các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin;

Đảm bảo cung cấp 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp mức độ 2. Tăng cường triển khai dịch vụ công mức độ 3; nghiên cứu phát triển dịch vụ hành chính công mức độ 4, mở rộng ứng dụng các dịch vụ công trên môi trường mạng theo lộ trình của tỉnh và Chính phủ.

Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống một cửa điện tử hiện đại cho 100% đơn vị cấp huyện; Ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa, thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ trên môi trường mạng.

100% ý kiến, câu hỏi của các cá nhân và tổ chức trên cổng thông tin hỏi đáp trực tuyến tỉnh được phản hồi đúng thời gian quy định.

Tăng cường tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi, tin, bài và phóng sự giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến, các hệ thống phần mềm cải cách hành chính và các phương pháp tra cứu thông tin về thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác và sử dụng hiệu quả.

3. Phát triển ứng dụng CNTT chuyên ngành:

Xây dựng, nâng cấp phần mềm chuyên ngành. Đưa các phần mềm ứng dụng, phần mềm dùng chung vào sử dụng trong các lĩnh vực hoạt động chỉ đạo, điều hành. Tăng cường triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

Nâng cao kiến thức, khả năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công tác; Đầu tư hạ tầng thiết bị cho các cơ quan nhà nước cấp xã; Nâng cao chỉ số mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT (ICT Index) của tỉnh.

III. Nội dung kế hoạch

Triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm việc xây dựng, kết nối và khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu, đồng thời có khả năng mở rộng kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin các cấp trong tương lai, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản như sau:

1. Hạ tầng thông tin và truyền thông

a. Nâng cấp, mở rộng, bổ sung hệ thống lưu trữ, hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin, hệ thống máy chủ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, chuyển dần mô hình triển khai phân tán thành triển khai tập trung đối với các ứng dụng phần mềm như: văn phòng điện tử, một cửa điện tử, dịch vụ công mức độ 3, ...

b. Đầu tư bổ sung thiết bị cho Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh; Đảm bảo hệ thống họp trên hệ thống họp trực tuyến an toàn, hiệu quả.

c. Đầu tư trang thiết bị CNTT cho Hội Nông dân; Trang bị hạ tầng CNTT, cho một số đơn vị cấp xã, bước đầu tiến hành triển khai thí điểm ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính cho cấp xã và xây dựng nông thôn mới.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, nâng cao năng lực quản lý, điều hành

a. Tiếp tục triển khai phần mềm văn phòng điện tử cho 09 đơn vị⁽⁸⁾ phục vụ trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng giữa các đơn vị hành chính trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động trong quản lý, điều hành. Bước đầu triển khai thí điểm cấp xã cho một số huyện.

b. Tiếp tục triển khai chữ ký số cho cá nhân lãnh đạo các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo điều kiện cho việc ứng dụng chữ ký số và liên thông văn bản điện tử trên toàn bộ hệ thống.

c. Ban hành các quy chế vận hành hoạt động và triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để tổ chức thực hiện đúng với quy

⁽⁸⁾ Sở Giao thông vận tải; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; UBND Hòa Thành; UBND huyện Châu Thành; UBND huyện Tân Biên; UBND huyện Gò Dầu; UBND huyện Bến Cầu

định.

d. Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, thủ tục giải quyết công việc; Nâng cấp, bổ sung tiện ích tích hợp vào các phần mềm dùng chung giúp tăng cường hiệu quả trong quản lý điều hành, giảm việc sử dụng tài liệu, văn bản giấy không cần thiết trong quá trình thực hiện công việc.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a. Tăng cường triển khai dịch vụ công mức độ 3, đặc biệt ưu tiên trang bị cho đơn vị Thành phố Tây Ninh và các sở, ngành đủ điều kiện, chú trọng đầu tư lĩnh vực hộ tịch và lĩnh vực xây dựng với tổng số 12 dịch vụ công mức độ 3.

b. Hoàn thiện và triển khai hệ thống một cửa điện tử hiện đại (giai đoạn 2) cho UBND các huyện và các đơn vị có mức độ sẵn sàng cao, bước đầu triển khai cho cấp xã.

c. Tiếp tục xây dựng bổ sung công thành phần, nâng cấp hệ thống Cổng thông tin toàn tỉnh (khắc phục các lỗi hiện có, điều chỉnh lại chuyên mục văn bản trên các cổng thành phần để đảm bảo yêu cầu tích hợp về trang văn bản chung, điều chỉnh lại chuyên mục thủ tục hành chính, xây dựng mới cấu trúc trang chủ Cổng chính, xây dựng mới cổng thông tin văn bản điện tử tích hợp văn bản chung cho toàn tỉnh để áp dụng chữ ký số, tích hợp chuyên mục văn bản của bộ, ngành Trung ương về cổng thành phần) nhằm đáp ứng được yêu cầu Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 và thực hiện chỉ đạo tại công văn số 1950/TTg-KGVX ngày 15/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Triển khai phần mềm Tiếp dân cho các huyện giải quyết khiếu nại tố cáo, quản lý và số hoá tài liệu lưu trữ trên môi trường mạng, dễ dàng quản lý, trả lời và tra cứu thông tin cung cấp cho lãnh đạo tỉnh một cách nhanh nhất khi có yêu cầu.

d. Tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm quản xử lý khiếu nại, tố cáo cho 04 UBND huyện còn lại; Bước đầu triển khai phần mềm cho UBND cấp xã có mức độ sẵn sàng ứng dụng cao.

e. Tổ chức tiếp nhận và phản hồi ý kiến góp ý cho các tổ chức, công dân đúng thời gian quy định trên cổng thông tin hỏi đáp trực tuyến tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức người dân về vai trò và vị trí của việc ứng dụng CNTT trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

f. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng chính quyền điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Phối hợp các ngành chức năng đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cụ thể thông qua hệ thống cổng thông tin điện tử, tờ rơi, phóng sự, ...

4. Các ứng dụng CNTT chuyên ngành

a. Triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm tăng cường phương thức giao tiếp thông tin giữa công dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước thông qua các hệ thống phần mềm phục vụ xử lý thủ tục hành chính như một cửa điện tử, tiếp

dân, hỏi đáp trực tuyến, ...

b. Triển khai ký số, xác thực các tài liệu điện tử (trên cổng thông tin điện tử tỉnh, phần mềm hợp không giấy,...) sử dụng chứng thư số và các dịch vụ chứng thực chữ ký số nhằm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản trong hoạt động cơ quan nhà nước; tạo nên một môi trường làm việc điện tử hiện đại, minh bạch, giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí, thời gian.

c. Xây dựng, nâng cấp một số phần mềm chuyên ngành giao thông vận tải; công an. Tăng cường khai thác cơ sở dữ liệu dân cư do Công an tỉnh đã xây dựng, liên thông kho dữ liệu với các ứng dụng chuyên ngành.

d. Tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm quản lý Hộ tịch, bổ sung hệ thống cho 03 huyện và 34 xã; Thực hiện liên thông hệ thống phần mềm quản lý Hộ tịch tại tất cả các xã, phường, đảm bảo dữ liệu được tích hợp, dùng chung, quản lý chặt chẽ, hỗ trợ kiểm soát và thống kê.

e. Triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

a. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách và nâng cao năng lực lãnh đạo trong lĩnh vực CNTT, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ triển khai ứng dụng CNTT năm 2014 và sẵn sàng cho giai đoạn tiếp theo.

b. Đào tạo cán bộ phụ trách CNTT và bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo trong lĩnh vực CNTT tại các sở nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và an toàn.

IV. Các giải pháp

1. Giải pháp tài chính

Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ và đầu tư khoa học công nghệ chỉ cho hoạt động ứng dụng CNTT tỉnh.

Tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư và triển khai CNTT: Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Giải pháp triển khai

Kết hợp chặt chẽ việc ứng dụng CNTT và cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có, tiếp tục đầu tư trang thiết bị CNTT phù hợp, đáp ứng triển khai các nội dung ứng dụng CNTT thật hiệu quả.

Triển khai các hệ thống thông tin phải đáp ứng được các quy chuẩn kỹ

thuật hiện hành, đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các cấp và giữa các ngành, tích hợp dữ liệu về Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh và tương thích với các hệ thống đã triển khai.

Triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT, tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm để tiếp tục nhân rộng mô hình.

3. Giải pháp tổ chức

Kiến toàn bộ máy tổ chức quản lý ứng dụng CNTT cấp tỉnh và cấp huyện; Chú trọng củng cố Ban chỉ đạo, Tổ chuyên viên giúp việc triển khai Chương trình ứng dụng CNTT tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn, là thường trực tham mưu, hướng dẫn thực hiện triển khai các ứng dụng CNTT trong tỉnh.

Văn phòng UBND-HĐND cấp huyện là đơn vị chủ trì thực hiện công tác triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính tại địa phương.

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện/thành phố phải bố trí ít nhất một nhân sự chuyên trách triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị. Các UBND huyện phải chú trọng quan tâm đến công tác an toàn, an ninh và vận hành có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử được triển khai.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là người gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành; Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo ứng dụng triệt để, hiệu quả.

4. Giải pháp môi trường chính sách

Xây dựng các chế độ, chính sách ưu đãi đối với đội ngũ chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh.

Ban hành các quy chế vận hành hoạt động và triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để tổ chức thực hiện đúng với quy định.

Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo triển khai chương trình CNTT các cấp, thành lập Tổ triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

5. Giải pháp khác

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước. Đôn đốc, nhắc nhở, thường xuyên rà soát, đánh giá ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước để có giải pháp điều chỉnh, thúc đẩy kịp thời.

Tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước hàng năm theo chỉ tiêu đánh giá của UBND tỉnh phê duyệt. Đưa tiêu chí triển khai, ứng dụng hiệu quả CNTT vào quản lý, điều hành là yêu cầu bắt buộc trong việc đánh giá, bình xét khen thưởng đơn vị cuối năm.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường công tác truyền thông cho người dân và doanh

nghiệp về các tiện ích CNTT sử dụng trong các cơ quan nhà nước trong tỉnh nhằm ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

V. Kinh phí thực hiện

1. Tổng kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện Kế hoạch năm 2014 của tỉnh là **13.511.000.000 đồng** (Số tiền bằng chữ: Mười ba tỷ năm trăm mười một triệu đồng) *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Ngân sách tỉnh đảm bảo chi các dự án, hạng mục triển khai hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, chi thường xuyên cho hoạt động CNTT thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh; hỗ trợ cho các hạng mục, hoạt động CNTT cấp huyện và thí điểm triển khai ở cấp huyện, xã.

2. Nguồn kinh phí đảm bảo cho việc triển khai Kế hoạch được sử dụng từ các nguồn sau:

- Ngân sách tỉnh đảm bảo chi các hạng mục, dự án, chi thường xuyên cho hoạt động CNTT thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh.

- Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo chi các hạng mục, dự án, chi thường xuyên cho hoạt động CNTT thuộc phạm vi các huyện, thành phố theo nội dung kế hoạch.

6. Tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ Kế hoạch này và điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị xây dựng, cụ thể hóa các nhiệm vụ ứng dụng CNTT của địa phương để triển khai thực hiện.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định hướng chọn lựa triển khai phần mềm ứng dụng và đầu tư ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước nhằm đảm bảo tính liên thông tích hợp với các hệ thống đã triển khai, an toàn, an ninh thông tin. Hàng quý định kỳ báo cáo UBND tỉnh, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và Chính phủ theo quy định.

Tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai, vận hành, sử dụng, ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính và xây dựng nông thôn mới.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục, bố trí vốn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT theo đúng quy định./.

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lưu Quang

Phụ lục

**KẾ HOẠCH KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TỈNH TÂY NINH
NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474 /QĐ-UBND ngày 03 / 3 /2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (đồng)
A	Vốn được giao năm 2014		
1	Vốn sự nghiệp KHCN năm 2014		
B	Kế hoạch kinh phí thực hiện năm 2014		
I	HỆ THỐNG THÔNG TIN		
1	Hệ thống Văn phòng điện tử (eOffice)	Các đơn vị liên	1,790,000,000
1.1	- Sở Giao thông Vận tải		250,000,000
1.2	- Sở Lao động Thương binh và Xã hội		220,000,000
1.3	- Sở Tư pháp		220,000,000
1.4	- Thanh tra tỉnh		250,000,000
1.5	- UBND Hòa Thành		170,000,000
1.6	- UBND huyện Châu Thành		170,000,000
1.7	- UBND huyện Tân Biên		170,000,000
1.8	- UBND huyện Gò Dầu		170,000,000
1.9	- UBND huyện Bến Cầu		170,000,000
2	Triển khai hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số	Sở TTTT + các đơn vị liên quan	200,000,000
3	Trang bị hạ tầng, triển khai dịch vụ công mức độ 3, một cửa điện tử cấp xã.		2,100,000,000
3.1	12 dịch vụ công mức độ 3 (Lĩnh vực xây dựng và lĩnh vực hộ tịch) cho thành phố Tây Ninh.	Sở TTTT phối hợp UBND Thành phố	700,000,000
3.2	Hạ tầng và hệ thống một cửa điện tử cho UBND cấp xã thuộc Thị xã Tây Ninh (10 đơn vị Xã: Thanh Tân, Bình Minh, Tân Bình; Phường: 1, 2, 3, 4, Hiệp Ninh, Ninh Thạnh, Ninh Sơn)	Sở TTTT + UBND Thành phố	800,000,000
3.3	Hạ tầng và hệ thống một cửa điện tử cho UBND thị trấn thuộc 8 huyện.	Sở TTTT + UBND các huyện	600,000,000
4	Bổ sung công thành phần, nâng cấp hệ thống Công thông tin toàn tỉnh (Nhằm đáp ứng được yêu cầu Nghị định 43/NĐ-CP và thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1950/TTg-KGVX)	Sở TTTT	300,000,000
5	Trang bị hạ tầng và triển khai phần mềm Quản lý Hộ tịch giai đoạn 2 cho 3 huyện (Trảng Bàng, Tân Châu, Dương Minh Châu) và 34 xã	Sở TTTT phối hợp với các đơn vị (Sở Tư pháp + UBND các huyện)	1,050,000,000
6	Triển khai phần mềm tiếp dân (giải quyết khiếu, nại tố cáo)	Các đơn vị liên quan	485,000,000
6.1	- UBND Tân Châu		95,000,000

6.2	- UBND huyện Tân Biên		95,000,000
6.3	- UBND huyện Châu Thành		95,000,000
6.4	- UBND huyện Gò Dầu		95,000,000
6.5	- Triển khai tất cả UBND cấp xã (10 đơn vị) thuộc thành phố Tây Ninh		50,000,000
6.6	- Triển khai tất cả UBND cấp xã (11 đơn vị) thuộc huyện Dương Minh Châu		55,000,000
7	Bổ sung chức năng nhắn tin SMS cho phần mềm Hộp không giấy cấp huyện	Sở TTTT	50,000,000
8	Triển khai các phần mềm khai thác CSDL dân cư		240,000,000
8.1	Phần mềm Quản lý lưu trú	Sở TTTT + CA tỉnh	60,000,000
8.2	Liên thông dữ liệu nhân hộ khẩu với dữ liệu phạt hành chính về giao thông	Sở TTTT + CA tỉnh	60,000,000
8.3	Liên thông dữ liệu quản lý của Công an tỉnh với Tòa án và Viện kiểm sát	Sở TTTT + CA tỉnh	60,000,000
8.4	Nâng cấp phần mềm quản lý đối tượng an ninh	Sở TTTT + CA tỉnh	60,000,000
9	Quản lý hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn tỉnh	Sở TTTT + Sở	20,000,000
10	Hạ tầng kỹ thuật và hệ thống gửi nhận văn bản điện tử.	Sở TTTT + Đảng ủy khối các CQ tỉnh + UBND tỉnh	50,000,000
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT để triển khai thí điểm eOffice cho cấp xã.	Sở TTTT + UBND huyện	400,000,000
12	Đầu tư trang thiết bị CNTT cho Hội Nông dân	Sở TTTT + Hội Nông dân	500,000,000
13	Đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng TTTHDL (Bản quyền, bổ sung hệ thống lưu trữ (SAN), khung máy chủ (Chassis), máy chủ (Server) và hệ thống giám sát (monitoring), dịch vụ cơ bản)	Sở TTTT	3,050,000,000
14	Thiết bị phụ trợ phục vụ cho họp trực tuyến tại VP.UBND tỉnh.	Sở TTTT + VP.UBND tỉnh	170,000,000
15	Trang bị bổ sung thiết bị CNTT phục vụ CCHC cho VP.ĐDBQH và HĐND tỉnh	Sở TTTT + VP.ĐDBQH và HĐND tỉnh	30,000,000
III	ĐÀO TẠO	Sở TTTT + các đơn vị liên quan	
16	Đào tạo cán bộ chuyên trách và tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, triển khai mã nguồn mở		500,000,000
16.1	Đào tạo nâng cao cho đội ngũ quản trị trung tâm THDL nhằm đảm bảo có đủ khả năng quản trị, vận hành hệ thống.		150,000,000
16.2	Tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn, bảo mật, kỹ năng ứng dụng CNTT CBCCVC cơ quan nhà nước trong tỉnh		250,000,000
16.3	Triển khai phần mềm nguồn mở cho các sở ngành		100,000,000
IV	HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN		

17	Hoạt động của BCD, hội nghị, hội thảo	Sở TTTT	213,800,000
18	Chi cung cấp thông tin cập nhật tin bài		650,000,000
18.1	Cổng chính, cổng thành phần sở, ngành	Sở TTTT	450,000,000
18.2	Cổng thông tin điện tử Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở TTTT	200,000,000
19	Tổ chức hội thi		150,000,000
19.1	Hỗ trợ Hội thi tin học trẻ	Sở TTTT + Tỉnh đoàn	100,000,000
19.2	Hỗ trợ hội thi ứng dụng CNTT vào CCHC cho CBCCVC	Sở TTTT + Hội tin học	50,000,000
20	Hoạt động thường xuyên Công TTĐT tỉnh, Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở TTTT	1,362,200,000
20.1	Bảo trì, bảo dưỡng TTTHDL + Hội nghị truyền hình + Hệ thống bảng quang báo KC01		300,000,000
20.2	Thuê chỗ đặt trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh		112,200,000
20.3	Chi phí đường truyền internet trực tiếp (Leaseline và FTTH		450,000,000
20.4	Chi phí đường truyền mạng chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước cấp tỉnh		400,000,000
20.5	Đánh giá hệ thống bảo mật của trung tâm dữ liệu tỉnh		100,000,000
21	Hoạt động Sàn Thương mại điện tử (cập nhật tin, quản lý vận hành)	Sở TTTT + TTXNĐT-TM-DL	50,000,000
22	Truyền thông công tác ứng dụng CNTT phục vụ CCHC	Sở TTTT	150,000,000
	TỔNG CỘNG		13,511,000,000

Bảng chữ: Mười ba tỷ năm trăm mười một triệu đồng

